

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VINH
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC IUV

DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
TỔ CHỨC NGÀY 27/03/2021

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
1	Chu Văn Bắc	Nam	07/10/2003	Nghệ An	6.0	7.0	1360/QĐ140/2021	TH001403	
2	Nguyễn Minh Chiến	Nam	14/05/2003	Nghệ An	5.3	6.0	1361/QĐ140/2021	TH001404	
3	Trương Văn Chiến	Nam	01/12/2003	Nghệ An	6.3	6.5	1362/QĐ140/2021	TH001405	
4	Lê Văn Dũng	Nam	02/10/2002	Nghệ An	5.7	6.0	1363/QĐ140/2021	TH001406	
5	Đào Công Trường Giang	Nam	01/11/2003	Nghệ An	5.3	7.0	1364/QĐ140/2021	TH001407	
6	Nguyễn Văn Hào	Nam	05/02/2003	Nghệ An	5.3	7.0	1365/QĐ140/2021	TH001408	
7	Thái Doãn Hiếu	Nam	01/07/2003	Nghệ An	5.3	6.0	1366/QĐ140/2021	TH001409	
8	Trần Hữu Hóa	Nam	05/02/2003	Nghệ An	5.7	5.5	1367/QĐ140/2021	TH001410	
9	Chu Văn Hùng	Nam	08/08/2003	Nghệ An	5.7	7.5	1368/QĐ140/2021	TH001411	
10	Trần Trọng Hùng	Nam	13/07/2002	Nghệ An	5.3	6.5	1369/QĐ140/2021	TH001412	
11	Lê Văn Huy	Nam	08/01/2002	Nghệ An	6.0	6.0	1370/QĐ140/2021	TH001413	
12	Nguyễn Châu Đức Huy	Nam	29/04/2003	Nghệ An	5.7	5.5	1371/QĐ140/2021	TH001414	
13	Hồ Duy Khánh	Nam	21/01/2004	Nghệ An	6.7	6.5	1372/QĐ140/2021	TH001415	
14	Nguyễn Văn Kỳ	Nam	13/08/2003	Nghệ An	5.7	6.0	1373/QĐ140/2021	TH001416	
15	Phạm Thị Thùy Linh	Nữ	07/11/2003	Nghệ An	5.3	6.0	1374/QĐ140/2021	TH001417	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
16	Lang Văn Luật	Nam	22/09/2003	Nghệ An	5.7	8.0	1375/QĐ140/2021	TH001418	
17	Đoàn Hoàng Phương	Nam	12/10/2003	Nghệ An	5.7	7.5	1376/QĐ140/2021	TH001419	
18	Nguyễn Hồng Quân	Nam	28/08/2003	Nghệ An	5.3	6.0	1377/QĐ140/2021	TH001420	
19	Phạm Văn Sơn	Nam	06/06/2003	Nghệ An	6.3	6.5	1378/QĐ140/2021	TH001421	
20	Dương Trọng Thắng	Nam	12/11/2003	Nghệ An	5.7	6.0	1379/QĐ140/2021	TH001422	
21	Dương Trọng Thanh	Nam	10/02/2003	Nghệ An	6.0	6.5	1380/QĐ140/2021	TH001423	
22	Nguyễn Đại Thông	Nam	11/10/2003	Nghệ An	5.7	6.0	1381/QĐ140/2021	TH001424	
23	Nguyễn Thị Trang	Nữ	15/12/2003	Nghệ An	6.3	6.0	1382/QĐ140/2021	TH001425	
24	Bùi Anh Tuấn	Nam	24/07/2003	Nghệ An	5.3	6.5	1383/QĐ140/2021	TH001426	
25	Hoàng Như Tuấn	Nam	20/12/2003	Nghệ An	5.3	6.5	1384/QĐ140/2021	TH001427	
26	Trần Xuân Tỷ	Nam	27/11/2003	Nghệ An	5.7	7.0	1385/QĐ140/2021	TH001428	
27	Hoàng Anh Vũ	Nam	07/11/2003	Nghệ An	6.0	7.5	1386/QĐ140/2021	TH001429	
28	Nguyễn Văn Anh	Nam	13/12/2003	Nghệ An	6.3	6.5	1408/QĐ140/2021	TH001430	
29	Nguyễn Văn Anh	Nam	27/12/2003	Nghệ An	5.7	6.5	1409/QĐ140/2021	TH001431	
30	Nguyễn Văn Bảo	Nam	13/07/2003	Nghệ An	5.3	6.0	1410/QĐ140/2021	TH001432	
31	Nguyễn Thị Chuyên	Nữ	10/01/2003	Nghệ An	7.0	6.0	1411/QĐ140/2021	TH001433	
32	Trần Duy Công	Nam	19/05/2003	Nghệ An	6.3	7.5	1412/QĐ140/2021	TH001434	
33	Nguyễn Văn Cường	Nam	03/02/2003	Nghệ An	6.0	5.5	1413/QĐ140/2021	TH001435	
34	Trần Đình Đạt	Nam	22/02/2003	Nghệ An	5.3	6.5	1414/QĐ140/2021	TH001436	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
35	Nguyễn Văn Đạt	Nam	15/09/2003	Nghệ An	6.3	6.5	1415/QĐ140/2021	TH001437	
36	Nguyễn Trung Đức	Nam	06/04/2003	Nghệ An	5.7	7.5	1416/QĐ140/2021	TH001438	
37	Nguyễn Quang Đức	Nam	19/10/2003	Nghệ An	5.0	7.0	1417/QĐ140/2021	TH001439	
38	Lê Thùy Dung	Nam	22/01/2002	Nghệ An	6.0	7.0	1418/QĐ140/2021	TH001440	
39	Đồng Văn Duy	Nam	04/03/2001	Nghệ An	5.7	6.5	1419/QĐ140/2021	TH001441	
40	Phạm Hoàng Hà	Nam	01/06/2003	Nghệ An	5.7	7.0	1420/QĐ140/2021	TH001442	
41	Ngô Công Hải	Nam	26/03/2003	Nghệ An	5.7	7.0	1421/QĐ140/2021	TH001443	
42	Nguyễn Văn Hậu	Nam	27/04/2003	Nghệ An	6.3	7.0	1422/QĐ140/2021	TH001444	
43	Phan Thị Thu Hiền	Nam	10/10/2003	Nghệ An	5.3	6.5	1423/QĐ140/2021	TH001445	
44	Trần Đình Hoàn	Nam	22/11/2003	Nghệ An	6.7	6.0	1424/QĐ140/2021	TH001446	
45	Đậu Văn Hoàng	Nam	23/11//2003	Nghệ An	6.0	8.0	1425/QĐ140/2021	TH001447	
46	Trần Văn Hoàng	Nam	03/03/2003	Nghệ An	5.7	7.2	1426/QĐ140/2021	TH001448	
47	Nguyễn Trung Hưng	Nam	01/12/2003	Nghệ An	6.3	7.5	1427/QĐ140/2021	TH001449	
48	Trần Đình Khánh	Nam	20/08/2002	Nghệ An	5.7	7.5	1428/QĐ140/2021	TH001450	
49	Trương Quốc Khánh	Nam	02/09/2003	Nghệ An	5.7	6.5	1429/QĐ140/2021	TH001451	
50	Trần Văn Kỳ	Nam	06/08/2003	Nghệ An	6.3	6.0	1430/QĐ140/2021	TH001452	
51	Ngân Thị Liên	Nữ	20/02/2003	Nghệ An	5.3	6.5	1431/QĐ140/2021	TH001453	
52	Nguyễn Tấn Ngàn	Nam	13/04/2003	Quảng Nam	5.3	7.0	1432/QĐ140/2021	TH001454	
53	Trần Thị Ngân	Nữ	04/01/2003	Hà Tĩnh	6.3	6.0	1433/QĐ140/2021	TH001455	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
54	Trần Khắc Nhã	Nam	13/05/2003	Nghệ An	5.3	6.0	1434/QĐ140/2021	TH001456	
55	Trần Thanh Nhi	Nữ	06/09/2003	Nghệ An	5.7	5.0	1435/QĐ140/2021	TH001457	
56	Vương Đình Quân	Nam	21/08/2003	Nghệ An	6.3	6.0	1436/QĐ140/2021	TH001458	
57	Đinh Đàm San	Nam	12/03/2003	Nghệ An	6.0	8.0	1437/QĐ140/2021	TH001459	
58	Trần Văn Tài	Nam	24/07/2003	Nghệ An	5.3	7.0	1438/QĐ140/2021	TH001460	
59	Trần Đình Thế	Nam	10/05/2003	Nghệ An	6.3	7.5	1439/QĐ140/2021	TH001467	
60	Nguyễn Đình Thọ	Nam	10/10/2003	Nghệ An	5.7	7.0	1440/QĐ140/2021	TH001461	
61	Đặng Ngọc Thông	Nam	15/05/2003	Nghệ An	6.0	6.5	1441/QĐ140/2021	TH001462	
62	Trương Thị Quỳnh Trang	Nữ	06/06/2003	Nghệ An	5.3	8.0	1442/QĐ140/2021	TH001463	
63	Lương Thị Thanh Trúc	Nữ	20/10/2003	Nghệ An	5.7	7.5	1443/QĐ140/2021	TH001464	
64	Dương Phúc Tuấn	Nam	13/07/2003	Nghệ An	5.3	6.0	1444/QĐ140/2021	TH001465	
65	Lê Đức Vượng	Nam	05/05/2002	Nghệ An	5.3	7.5	1445/QĐ140/2021	TH001466	

